

Số: 139/TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 10 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về Chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, hướng tới thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2016, UBND tỉnh xây dựng và trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, hướng tới thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết ban hành chính sách

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của cả nước, ngành Y tế tỉnh Thanh Hóa đã đạt được những thành tựu quan trọng, mạng lưới y tế ngày càng được củng cố và phát triển, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, trình độ chuyên môn được nâng cao, nhiều dịch vụ kỹ thuật y học hiện đại trong điều trị được nghiên cứu ứng dụng thành công. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân đang từng bước được cải thiện, nhu cầu được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân trong tỉnh và khu vực lân cận ngày càng cao, trong khi nguồn nhân lực ngành y tế Thanh Hóa hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn (tỷ lệ bác sỹ trên vạn dân đạt 7,3 thấp hơn bình quân chung cả nước (7,8) và tỷ lệ trạm Y tế xã có bác sỹ mới đạt 70,5%, trung bình chung cả nước là 78%...). Vì vậy, tại các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện tình trạng thiếu bác sỹ, đặc biệt là chuyên gia đầu ngành diễn ra ở hầu hết các chuyên khoa như: tim mạch, ung bướu, y học hạt nhân, vi phẫu, cấy ghép tạng, mổ nội soi robot, công nghệ tế bào gốc, di truyền học phân tử, huyết học truyền máu... dẫn đến khó khăn trong việc triển khai ứng dụng các kỹ thuật mới, hiện đại. Ở tuyến xã nhiều trạm y tế chưa có bác sỹ làm việc, đặc biệt tại một số khu vực vùng núi cao, vùng kinh tế khó khăn, khu vực có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, làm hạn chế công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Để cụ thể hóa Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII, đối với việc "Đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao của khu vực", UBND tỉnh Thanh Hóa đã chọn Trường Đại học Y Hà Nội giúp đỡ trong việc đào tạo đội ngũ giảng viên, cán bộ y tế có trình độ đại học và sau đại học tại Thanh Hóa, hướng tới thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa, từng bước khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Trước mắt, nòng cốt là đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội vào giảng dạy và khám chữa bệnh thông qua Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa và tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh.

Trường Đại học Y Hà Nội là trường đại học lớn có rất nhiều thành tích trong lĩnh vực đào tạo y học, với đội ngũ cán bộ, giảng viên là các giáo sư, tiến sĩ y học, bác sĩ đầu ngành góp phần quan trọng tạo nên chất lượng và thương hiệu của nhà trường trong hơn 100 năm qua. Cán bộ, giảng viên có trình độ cao của nhà trường khi được điều động vào giảng dạy tại Thanh Hóa sẽ chịu nhiều thiệt thòi về kinh tế nếu không nhận được sự hỗ trợ về kinh phí để ổn định thu nhập. Mặt khác trong giai đoạn đầu việc triển khai hoạt động của Phân hiệu sẽ gặp một số khó khăn nhất định như thiếu thốn về cơ sở vật chất, nhân lực giảng dạy đại học, nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên...

Nhằm tạo điều kiện cho Phân hiệu đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả, để Thanh Hóa sớm trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao lĩnh vực Y tế; giải quyết trước mắt vấn đề thiếu hụt nhân lực y tế trong tỉnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh; đào tạo, thu hút được đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao về giảng dạy tại Phân hiệu hoặc công tác tại các cơ sở y tế của tỉnh làm tiền đề cho việc hình thành Trường Đại học Y Thanh Hóa trong tương lai, việc ban hành Chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ giảng viên cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, hướng tới thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa là rất cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Điểm g, Khoản 2, Điều 5 của Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Ngân sách nhà nước, theo đó, Ủy ban nhân dân các cấp được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ cho các đơn vị do cấp trên quản lý khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới. Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa là đơn vị do ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí hoạt động, kết hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo bác sĩ, cử nhân điều

dưỡng cho tỉnh Thanh Hóa, đào tạo nguồn cán bộ, giảng viên phục vụ mục tiêu thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa, việc tỉnh Thanh Hóa ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Phân hiệu là phù hợp với quy định của luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII ban hành chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2020 đối với việc tiếp tục hoàn thiện các điều kiện đảm bảo Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa hoạt động hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 5043/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Bản ghi nhớ số 01/UBNDTH- ĐHYHN ngày 04/02/2013 giữa tỉnh Thanh Hóa và Trường Đại học Hà Nội. Theo đó, tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm: Bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với quy mô của 01 trường đại học. Trước mắt trong giai đoạn 2013- 2015, đầu tư cơ sở vật chất mua sắm trang thiết bị đảm bảo các điều kiện cho việc thành lập Phân hiệu và hoạt động của Phân hiệu theo quy định hiện hành của nhà nước bằng nguồn vốn hợp pháp của tỉnh Thanh Hóa. Ban hành cơ chế chính sách đào tạo bác sỹ nội trú, thu hút cán bộ, giảng viên, sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi của Trường Đại học Y Hà Nội về công tác, giảng dạy tại Phân hiệu của Trường tại Thanh Hóa.

3. Mục tiêu hỗ trợ:

- Khuyến khích đối với cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội giảng dạy tại Phân hiệu Thanh Hóa.

- Thu hút, đào tạo đội ngũ cán bộ giảng viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, công tác lâu dài tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, từng bước phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa trong thời gian tới.

- Hỗ trợ nguồn kinh phí đảm bảo cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa hoạt động ổn định, hiệu quả trong giai đoạn mới thành lập.

4. Đối tượng hỗ trợ:

- Cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y Hà Nội giảng dạy tại Phân hiệu Thanh Hóa; cán bộ, giảng viên kiêm nhiệm Trường Đại học Y Hà Nội của các cơ sở y tế tuyến Trung ương được mời giảng dạy tại Phân hiệu Thanh Hóa.

- Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ y học; thạc sĩ y học, bác sĩ nội trú tốt nghiệp tại Trường Đại học Y Hà Nội; sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội

trúng tuyển vào các khóa đào tạo bác sĩ nội trú do nhà trường tổ chức giai đoạn 2016-2025.

- Phân Hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa.

5. Nội dung hỗ trợ:

5.1. Hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên

a) Cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội công tác lâu dài tại Phân hiệu Thanh Hóa được hỗ trợ tiền tăng thêm hàng tháng là 6,0 triệu đồng/giảng viên/tháng. Tiền hỗ trợ được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính chi phí đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 5.220 triệu đồng.

b) Giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội; Cán bộ, giảng viên kiêm chức Trường Đại học Y Hà Nội của các cơ sở y tế tuyến Trung ương là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các khoa, bộ môn của Phân hiệu tại Thanh Hóa; giảng viên kiêm chức Trường Đại học Y Hà Nội của các cơ sở y tế tuyến Trung ương được cử về Thanh Hóa tham gia giảng dạy các lớp đào tạo bác sĩ đa khoa và cử nhân điều dưỡng hệ chính quy tại Phân hiệu được hỗ trợ kinh phí đi lại, lưu trú, sinh hoạt phí:

- Tiền đi lại: Được tính bằng số lượt đi về thực tế với định mức hỗ trợ: 900 nghìn đồng/lượt (tính theo lịch giảng dạy của Phân hiệu và Trường Đại học Y Hà Nội). Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 2.077.200 triệu đồng.

- Tiền lưu trú: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa có trách nhiệm bố trí phòng nghỉ cho giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội tại nhà khách của trường; các trường hợp nhà trường không bố trí được phòng nghỉ thì hỗ trợ 250 ngàn đồng/người/ngày theo chế độ công tác phí, được quy định tại Khoản 4, Điều 2, Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (số giảng viên hỗ trợ kinh phí lưu trú tính bằng khoảng 30% số giảng viên giảng dạy, 70% số giảng viên còn lại do Trường Cao đẳng Y bố trí tại nhà khách của Nhà trường). Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 805,711 triệu đồng.

- Sinh hoạt phí: Hỗ trợ giảng viên trong thời gian vào giảng dạy tại Thanh Hóa (kể cả thời gian đi và về) mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/ngày theo quy định tại Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính (Khi nhà nước thay đổi chế độ công tác phí sẽ được điều chỉnh theo chế độ hiện hành). Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 3.461,625 triệu đồng.

c) Giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội; cán bộ, giảng viên kiêm chức Trường Đại học Y Hà Nội của các cơ sở y tế tuyến Trung ương được Trường Đại học Y Hà Nội mời tham gia giảng dạy các lớp đào tạo bác sĩ đa

khoa và cử nhân điều dưỡng hệ chính quy tại Phân hiệu được hỗ trợ tiền giảng dạy với định mức như sau:

- Giảng dạy lý thuyết: 120.000 đồng/tiết (căn cứ tính toán dự trên Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức).

- Giảng thực hành: 80.000 đồng/tiết.

Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 8.043,6 triệu đồng.

5.2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Phân hiệu

Trong giai đoạn từ 2017-2021 do quy mô đào tạo còn nhỏ nguồn kinh phí chi thường xuyên sẽ rất khó đảm bảo cho hoạt động của Phân hiệu, ngoài việc hỗ trợ cho cán bộ giảng viên theo định mức nêu trên tỉnh Thanh Hóa sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để chi các hoạt động thường xuyên (như chi phí điện nước, văn phòng phẩm, tiền mua vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm ở các phòng học...) đảm bảo cho Phân hiệu hoạt động, với định mức 10 triệu đồng/sinh viên/năm. Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2021 là 19.500 triệu đồng.

5.3. Hỗ trợ thu hút cán bộ, giảng viên mới về công tác lâu dài tại Thanh Hóa.

a) Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ y học; thạc sĩ y học, bác sĩ nội trú tốt nghiệp tại trường Đại học Y Hà Nội (không bao gồm cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Y Hà Nội), cam kết phục vụ lâu dài cho Phân hiệu sau này là Đại học Y Thanh Hóa và được Hội đồng tuyển chọn sẽ được nhận hỗ trợ một lần bằng tiền mặt sau khi tuyển dụng theo các mức như sau:

- Người có học hàm giáo sư độ tuổi dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ: Cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt là 1.000 triệu đồng;

- Người có học hàm phó giáo sư độ tuổi dưới 57 tuổi đối với nam, dưới 52 tuổi đối với nữ: Cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt là 600 triệu đồng;

- Người có học vị tiến sĩ độ tuổi dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt là 400 triệu đồng.

- Người đã tốt nghiệp bác sĩ nội trú tại Trường Đại học Y Hà Nội, độ tuổi dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt là 300 triệu đồng.

- Người có học vị thạc sĩ tốt nghiệp đại học chính quy và học cao học tại Trường Đại học Y Hà Nội, độ tuổi dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt là 200 triệu đồng.

b) Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội trúng tuyển vào các khóa đào tạo bác sĩ nội trú do nhà trường tổ chức giai đoạn 2016-2025 có nguyện vọng và cam kết phục vụ tối thiểu 10 năm tại Phân hiệu, được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo hàng năm bao gồm học phí, sinh hoạt phí, tiền tài liệu; mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/học viên/năm.

(Nội dung chi tiết, cách tính hỗ trợ các khoản hỗ trợ: 5.1, 5.2, 5.3 nêu trên có phụ lục chi tiết kèm theo)

6. Thời gian thực hiện chính sách

a) Thời gian hỗ trợ ổn định thu nhập cho cán bộ, giảng viên và hỗ trợ hoạt động cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa là 05 năm, từ năm 2017-2021.

b) Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút cán bộ, giảng viên mới cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa tối đa là 10 năm, từ năm 2016-2025. Chính sách sẽ hết hiệu lực khi thu hút đủ đội ngũ cán bộ giảng viên theo nhu cầu cho Phân hiệu và đảm bảo cho việc thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa. Tỉnh Thanh Hóa sẽ quản lý bằng (bản gốc) và hồ sơ cán bộ có liên quan của cán bộ, giảng viên mới được thu hút trong thời gian công tác tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa và Trường Đại học Y Thanh Hóa sau này.

7. Nhu cầu kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tạm tính là 78.000 triệu đồng (*Bảy mươi tám tỷ đồng chẵn*), bao gồm:

7.1. Hỗ trợ ổn định thu nhập cho cán bộ, giảng viên và hoạt động của Phân hiệu, giai đoạn 2017-2021:

a) Định mức hỗ trợ tính theo đầu sinh viên: 20 triệu đồng/sinh viên/năm.

b) Tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2017-2021 là: 39.000 triệu đồng với quy mô đào tạo 1.950 sinh viên. Phân kỳ theo các năm như sau:

- Năm 2017: 4.000 triệu đồng, với quy mô đào tạo 200 sinh viên;
- Năm 2018: 6.000 triệu đồng, với quy mô đào tạo 300 sinh viên;
- Năm 2019: 8.000 triệu đồng, với quy mô đào tạo 400 sinh viên;
- Năm 2020: 10.000 triệu đồng, với quy mô đào tạo 500 sinh viên;
- Năm 2021: 11.000 triệu đồng, với quy mô đào tạo 550 sinh viên.

7.2. Hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới cho Phân hiệu giai đoạn 2016-2025, dự kiến là 39.000 triệu đồng:

Trong đó:

- Hỗ trợ thu hút 10 giáo sư, phó giáo sư: 8.000 triệu đồng;

- Hỗ trợ thu hút 30 tiến sĩ: 12.000 triệu đồng;
- Hỗ trợ thu hút 30 bác sĩ nội trú: 9.000 triệu đồng;
- Hỗ trợ thu hút 50 thạc sĩ: 10.000 triệu đồng.

7.3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách cấp tỉnh hằng năm.

8. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở nguồn kinh phí hỗ trợ hằng năm được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt, Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa thực hiện tự chủ trong quản lý sử dụng khoản hỗ trợ và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

9. Quy định việc bồi hoàn kinh phí

9.1. Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí

- Các đối tượng được hưởng chính sách Hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới không chấp hành sự phân công công tác theo cam kết, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, bỏ việc, tự ý thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian theo quy định, vi phạm pháp luật phải xử lý hình sự.

- Sinh viên được hưởng chính sách Hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới đã đăng ký nhập học và đã được cấp hỗ trợ kinh phí đào tạo; tự ý bỏ học; không được cấp văn bằng hoàn thành khóa học, bị đuổi học.

9.2. Mức bồi hoàn kinh phí

- Căn cứ Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về việc học bổng và chi phí đào tạo, đối tượng đã được tuyển dụng không chấp hành sự phân công công tác theo cam kết, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, bỏ việc, tự ý thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian theo quy định, vi phạm pháp luật phải xử lý hình sự thì mức bồi hoàn được tính như sau:

Mức bồi hoàn = (Thời gian cam kết phục vụ - Thời gian đã phục vụ sau tuyển dụng) x Tổng chi phí được tính hỗ trợ/ Thời gian cam kết phục vụ.

- Đối với Sinh viên được hưởng chính sách Hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới đã đăng ký nhập học và đã được cấp hỗ trợ kinh phí đào tạo; tự ý bỏ học; không được cấp văn bằng hoàn thành khóa học, bị đuổi học thì phải bồi hoàn kinh phí với mức gấp 05 lần chi phí đào tạo của khóa học được tính hỗ trợ.

10. Tổ chức thực hiện

a) Trường Đại học Y Hà Nội.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao, kế hoạch đào tạo hàng năm để lập dự toán chi tiết về kinh phí hỗ trợ hoạt động của Phân hiệu; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình duyệt theo quy định;

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt, phát huy hiệu quả thiết thực của chính sách, đảm bảo đúng Luật ngân sách và các quy định hiện hành của pháp luật.

b) Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Trường Đại học Y Hà Nội tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá tuyển chọn cán bộ, giảng viên mới về công tác tại lâu dài tại tỉnh Thanh Hóa theo chính sách thu hút; đồng thời quản lý bằng và hồ sơ (bản gốc) của người được tuyển chọn theo quy định hiện hành.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, Trường Đại học Y Hà Nội lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí theo chế độ kế toán hiện hành.

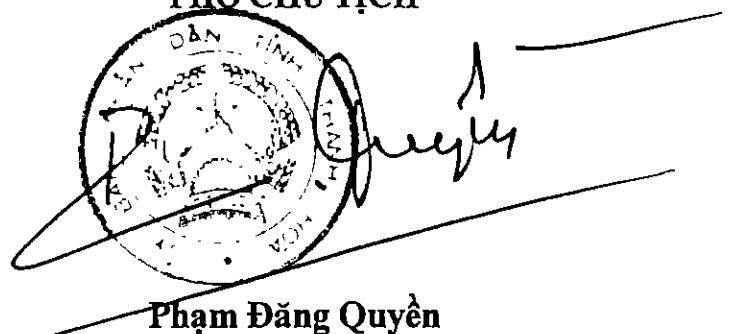
d) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với Trường Đại học Y Hà Nội triển khai thực hiện chính sách, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, HỖND tỉnh (để thẩm tra);
- CVP, các PCVPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, V.X.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



The signature is written in black ink over a circular official stamp. The stamp contains the text 'HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA' and 'Ban Thường trực Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa'. Below the signature, the name 'Phạm Đăng Quyền' is printed in bold black font.

Phạm Đăng Quyền



Phụ lục 1

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2017-2021

(Kèm theo Đồ trình số: 139 /TTr- UBND ngày 12 /10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Năm	Quy mô học viên chính quy	Hỗ trợ chi thường xuyên (10.000/sinh viên/năm)	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền đi lại	Tiền sinh hoạt phí	Tiền lưu trú (phòng nghỉ)	Tiền giảng dạy	Tổng cộng	Bình quân /HS
A	1	2	3	4	5	7	8	9=2+3+4+5+6+7+8	10=9/1
2017	200	2.000.000	960.000	143.269	238.781	0	576.900	3.918.950	19.595
2018	300	3.000.000	1.020.000	238.444	397.406	99.352	954.900	5.710.102	19.034
2019	400	4.000.000	1.080.000	428.963	714.938	178.734	1.663.800	8.066.434	20.166
2020	500	5.000.000	1.080.000	584.213	973.688	243.422	2.239.800	10.121.122	20.242
2021	550	5.500.000	1.080.000	682.088	1.136.813	284.203	2.608.200	11.291.303	20.530
Cộng	1.950	19.500.000	5.220.000	2.076.975	3.461.625	805.711	8.043.600	39.107.911	20.055

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản hỗ trợ của Phụ lục 1 có Phụ biểu kèm theo.

Phụ biểu số 1 của Phụ lục 1

QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA PHÂN HIỆU GIAI ĐOẠN 2016-2021

TT	Bậc, chuyên ngành	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Bác sỹ Đa khoa (BSĐK)	50	50	50	50	50	50
2	Cử nhân Điều dưỡng	50	50	50	50	50	50
3	BS ĐK và cử nhân Y2		100	100	100	100	100
4	BS ĐK và cử nhân Y3			100	100	100	100
5	BS ĐK và cử nhân Y4				100	100	100
6	Cử nhân Y4 kỳ 2					50	50
7	BS ĐK Y5					50	50
8	BS ĐK Y6						50
	Cộng quy mô	100	200	300	400	500	550

Phụ biểu số 2 của Phụ lục 1

KINH PHÍ HỖ TRỢ THU NHẬP TĂNG THÊM

Năm	Quy mô sinh viên chính quy (người)	Thu nhập tăng thêm và các khoản phụ cấp cho cán bộ cơ hữu và kiêm nhiệm				
		Số lượng cán bộ cơ hữu	Số lượng cán bộ kiêm chức	Tổng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (x1000 đồng)
1	2	3	4	5 = 3+4	6	7 = 5x6x 6.000.
2017	200	16	50	66	10	960.000
2018	300	17	48	65	10	1.020.000
2019	400	18	30	48	10	1.080.000
2020	500	18	20	38	10	1.080.000
2021	550	18	15	33	10	1.080.000
Tổng	1950					5.220.000

Phụ biểu số 3 của Phụ lục 1

HỖ TRỢ TIỀN ĐI LẠI

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Năm	Số tiết học	Số ngày lưu trú	Số lượt đi về	Dự toán tiền xe đi lại
1	2	3=2/8	(4)=(3)/5)	(5)=(4)x0,2x15x300
2017	6.368	796	159	143.269
2018	10.598	1.325	265	238.444
2019	19.065	2.383	477	428.963
2020	25.965	3.246	649	584.213
2021	30.315	3.789	758	682.088
Tổng	92.310	11.539	2.392	2.076.975

Ghi chú:

- Số lượt đi về = số ngày lưu trú/5 (tính trung bình mỗi đợt giảng dạy của giảng viên kéo dài 05 ngày);
- Mức hỗ trợ tiền đi lại tính bằng 0,2 lít xăng/km x 15.000đ/lít xăng x 300 km

Phụ biểu số 4 của Phụ lục 1

HỖ TRỢ TIỀN SINH HOẠT PHÍ

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Năm	Số tiết giảng dạy	Số ngày giảng dạy (lưu trú)	Dự toán tiền sinh hoạt phí (300.000đ/người/ngày)
1	2	3=2/8	4=3x300
2017	6.368	796	238.781
2018	10.598	1.325	397.406
2019	19.065	2.383	714.938
2020	25.965	3.246	973.688
2021	30.315	3.789	1.136.813
Tổng	92.310	11.539	3.461.625

Ghi chú: Số ngày lưu trú = tổng số tiết/8 (tính trung bình 8 tiết/ngày);

Phụ biểu số 5 của Phụ lục 1

HỖ TRỢ TIỀN LƯU TRÚ

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Năm	Số tiết giảng dạy	Số ngày giảng dạy (lưu trú)	Dự toán tiền sinh hoạt phí (250.000đ/người/ngày)
1	2	3=2/8	4=3x250x30%
2017	6.368	796	
2018	10.598	1 325	99.352
2019	19.065	2 383	178.734
2020	25.965	3.246	243.422
2021	30.315	3.789	284.203
Tổng	92.310	11.539	805.711

Ghi chú: Tiền lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày (tính bằng khoảng 30% số giảng viên giảng dạy không bố trí được nơi ở, 70% số giảng viên còn lại do Trường Cao đẳng Y bố trí tại nhà khách của Nhà trường.

Phụ biểu số 6 của Phụ lục 1

KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỜ GIẢNG

1. Cách tính:

- Giảng dạy lý thuyết: 120.000 đồng/tiết;
- Giảng dạy thực hành: 80.000 đồng/tiết;
- Một đơn vị học trình lý thuyết tương ứng với 15 tiết;
- Một đơn vị học trình thực hành tương ứng với 30 tiết.

2. Dự toán kinh phí hỗ trợ

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Năm	Mục chi	Số tiết	Dự toán
2016	Thực hiện theo Quyết định số 273/QĐ- UBND ngày 20/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội để tổ chức tuyển sinh năm học 2016- 2017.		
2017	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ nhất (Kỳ I)	1.125	101.400
	Lý thuyết: 19 ĐVHTx 15 tiết	285	34.200
	Thực hành: 7 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	840	67.200
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ nhất (Kỳ I)	1.350	118.800
	Lý thuyết: 18 ĐVHT x15 tiết	270	32.400
	Thực hành: 09 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.080	86.400
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ hai – 50 sinh viên (sv)	1.875	172.200
	Lý thuyết: 37 ĐVHTx 15 tiết	555	66.600
	Thực hành: 11 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.320	105.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ hai	2.018	184.500
	Lý thuyết: 38,5 ĐVHT x15 tiết	578	69.300
	Thực hành: 12 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.440	115.200
	Cộng	6.368	576.900
2018	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ nhất (Kỳ I)	1.125	101.400
	Lý thuyết: 19 ĐVHTx 15 tiết	285	34.200
	Thực hành: 7 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	840	67.200
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ nhất (Kỳ I)	1.350	118.800
	Lý thuyết: 18 ĐVHT x15 tiết	270	32.400
	Thực hành: 09 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.080	86.400
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ hai - 50sv	1.875	172.200
	Lý thuyết: 37 ĐVHTx 15 tiết	555	66.600
	Thực hành: 11 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.320	105.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ hai	2.018	184.500
	Lý thuyết: 38,5 ĐVHT x15 tiết	578	69.300
	Thực hành: 12 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.440	115.200
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ ba - 50 sv	1.875	169.800

	Lý thuyết: 33 ĐVHTx 15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 11,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.380	110.400
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ ba	2.355	208.200
	Lý thuyết: 33 ĐVHT x15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 15,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.860	148.800
	Cộng	10.598	954.900
2019	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ nhất (Kỳ I)	1.125	101.400
	Lý thuyết: 19 ĐVHTx 15 tiết	285	34.200
	Thực hành: 7 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	840	67.200
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ nhất (Kỳ I)	1.350	118.800
	Lý thuyết: 18 ĐVHT x15 tiết	270	32.400
	Thực hành: 09 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.080	86.400
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ hai - 50sv	1.875	172.200
	Lý thuyết: 37 ĐVHTx 15 tiết	555	66.600
	Thực hành: 11 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.320	105.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ hai	2.018	184.500
	Lý thuyết: 38,5 ĐVHT x15 tiết	578	69.300
	Thực hành: 12 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.440	115.200
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ ba - 50 sv	1.875	169.800
	Lý thuyết: 33 ĐVHTx 15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 11,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.380	110.400
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ ba	2.355	208.200
	Lý thuyết 33 ĐVHT x15 tiết	495	59.400
	Thực hành. 15,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.860	148.800
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ 4 - 50 sv	4.133	347.100
	Lý thuyết: 27,5 ĐVHTx 15 tiết	413	49.500
	Thực hành: 31 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.720	297.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ 4	4.335	361.800
	Lý thuyết: 25 ĐVHT x15 tiết	375	45.000
	Thực hành: 33 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.960	316.800
	Cộng	19.065	1.663.800
2020	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ nhất (Kỳ I)	1.125	101.400
	Lý thuyết: 19 ĐVHTx 15 tiết	285	34.200
	Thực hành: 7 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	840	67.200
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ nhất (Kỳ I)	1.350	118.800
	Lý thuyết: 18 ĐVHT x15 tiết	270	32.400
	Thực hành: 09 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.080	86.400
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ hai - 50sv	1.875	172.200
	Lý thuyết: 37 ĐVHTx 15 tiết	555	66.600
	Thực hành: 11 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.320	105.600

	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ hai	2.018	184.500
	Lý thuyết: 38,5 ĐVHT x15 tiết	578	69.300
	Thực hành: 12 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.440	115.200
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ ba - 50 sv	1.875	169.800
	Lý thuyết: 33 ĐVHTx 15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 11,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.380	110.400
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ ba	2.355	208.200
	Lý thuyết: 33 ĐVHT x15 tiết	495	59.400
	Thực hành 15,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.860	148.800
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ 4 - 50 sv	4.133	347.100
	Lý thuyết. 27,5 ĐVHTx 15 tiết	413	49.500
	Thực hành: 31 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.720	297.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ 4	4.335	361.800
	Lý thuyết: 25 ĐVHT x15 tiết	375	45.000
	Thực hành: 33 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.960	316.800
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ 5 - 50sv	3.150	270.000
	Lý thuyết: 30 ĐVHTx 15 tiết	450	54.000
	Thực hành: 22,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	2.700	216.000
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ 4 (Kỳ II)	3.750	306.000
	Lý thuyết: 10 ĐVHT X 15 tiết	150	18.000
	Thực hành: 30 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.600	288.000
	Cộng	25.965	2.239.800
2021	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ nhất (Kỳ I)	1.125	101.400
	Lý thuyết: 19 ĐVHTx 15 tiết	285	34.200
	Thực hành: 7 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	840	67.200
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ nhất (Kỳ I)	1.350	118.800
	Lý thuyết: 18 ĐVHT x15 tiết	270	32.400
	Thực hành: 09 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.080	86.400
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ hai - 50sv	1.875	172.200
	Lý thuyết: 37 ĐVHTx 15 tiết	555	66.600
	Thực hành: 11 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.320	105.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ hai	2.018	184.500
	Lý thuyết: 38,5 ĐVHT x15 tiết	578	69.300
	Thực hành: 12 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.440	115.200
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ ba - 50 sv	1.875	169.800
	Lý thuyết: 33 ĐVHTx 15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 11,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.380	110.400
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ ba	2.355	208.200
	Lý thuyết: 33 ĐVHT x15 tiết	495	59.400
	Thực hành: 15,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	1.860	148.800

	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ 4 - 50 sv	4.133	347.100
	Lý thuyết: 27,5 ĐVHTx 15 tiết	413	49.500
	Thực hành: 31 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.720	297.600
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ 4	4.335	361.800
	Lý thuyết: 25 ĐVHT x 15 tiết	375	45.000
	Thực hành: 33 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.960	316.800
	- Số giờ giảng lớp BSDK năm thứ 5 - 50sv	3.150	270.000
	Lý thuyết: 30 ĐVHTx 15 tiết	450	54.000
	Thực hành: 22,5 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	2.700	216.000
	- Số giờ giảng lớp CN Điều dưỡng năm thứ 4 (Kỳ II)	3.750	306.000
	Lý thuyết: 10 ĐVHT X 15 tiết	150	18.000
	Thực hành: 30 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.600	288.000
	- Hỗ trợ giờ giảng lớp BSDK năm thứ sáu – 50sv	4.350	368.400
	Lý thuyết: 34 ĐVHTx 15 tiết	510	61.200
	Thực hành: 32 ĐVHT x 4 nhóm x 30 tiết	3.840	307.200
	Cộng	30.315	2.608.200
	Tổng cộng	92.310	8.043.600



Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN MỚI

(Kèm theo Đề án số 39/TTr- UBND ngày 12/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chuyên ngành	Số lượng	
		Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ	Thạc sĩ, bác sĩ nội trú
1	Hóa sinh	1	2
2	Giải phẫu	1	2
3	Mô – Phôi	1	2
4	Vi sinh	1	2
5	Ký sinh trùng	1	2
6	Sinh lý học	1	2
7	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	2
8	Dược lý	1	2
9	Phẫu thuật thực nghiệm	1	2
10	Giải phẫu bệnh	1	2
11	Y pháp	1	2
12	Y học hạt nhân	1	2
13	Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	1	2
14	Y học dự phòng và Y tế công cộng	1	2
15	Phục hồi chức năng	1	2
16	Phẫu thuật tạo hình	1	2
17	Chẩn đoán hình ảnh	1	2
18	Nội tổng hợp	1	2
19	Lão khoa	1	2
20	Tim mạch	1	2
21	Hồi sức cấp cứu	1	2
22	Huyết học	1	2
23	Ngoại	1	2
24	Gây mê hồi sức	1	2
25	Tai Mũi Họng	1	2
26	Mắt	1	2
27	Răng Hàm Mặt	1	2
28	Phụ Sản	1	2
29	Truyền nhiễm	1	2
30	Tâm thần	1	2
31	Thần kinh	1	2
32	Da liễu	1	2
33	Ung thư	1	2
34	Nhi	1	2
35	Điều dưỡng - Hộ sinh	1	2

TT	Chuyên ngành	Số lượng	
		Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ	Thạc sĩ, bác sĩ nội trú
36	Y học cổ truyền	1	2
37	Lao và Bệnh phổi	1	2
38	Y học gia đình	1	2
39	Kỹ thuật y học	1	2
40	Giáo dục y học và Kỹ năng tiền lâm sàng	1	2
	Cộng	40	80

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2016/NQ - HĐND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường Trung học phổ thông (THPT) chuyên Lam Sơn và các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 6 năm 2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Sau khi xem xét Tờ trình số..... /TTr-UBND ngày...../..../2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường Trung học phổ thông (THPT) chuyên Lam Sơn và các Trường THPT trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /VHXH- HĐND ngày/.../2016 của Ban Văn hóa- xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số..... /TTr-UBND ngày...../..../2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường Trung học phổ thông (THPT) chuyên Lam Sơn và các Trường THPT trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

1. Chính sách đối với học sinh:

1.1. Học sinh Trường THPT chuyên Lam Sơn

Học sinh trúng tuyển vào trường THPT chuyên Lam Sơn được trợ cấp sinh hoạt phí, thời gian hưởng 09 tháng/ năm học.

- Học sinh thuộc hộ nghèo trong toàn tỉnh, học sinh là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã miền núi được hưởng mức trợ cấp bằng 130% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm chi trả trợ cấp;

- Học sinh thường trú ở vùng đồng bằng, ven biển và các xã ngoại thành thành phố Thanh Hóa được hưởng mức trợ cấp bằng 80% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm chi trả trợ cấp;

- Học sinh thường trú ở các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, được hưởng mức trợ cấp bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm chi trả trợ cấp.

b) Học bổng khuyến khích tài năng (thực hiện trong 09 tháng/năm học) dành cho học sinh giỏi toàn diện của năm học, xếp loại theo kết quả học tập rèn luyện nhưng không quá 50% tổng số học sinh toàn trường. Mức học bổng bằng 365.000 đ/tháng.

1.2. Học sinh trong đội tuyển tham dự các kỳ thi quốc gia, khu vực và quốc tế

Học sinh trong đội tuyển được trợ cấp tiền ăn, ở trong thời gian tập huấn dự thi quốc gia, dự thi chọn vào đội tuyển thi quốc tế:

a) Trợ cấp tiền ăn: 150.000đ/ngày/học sinh trong thời gian tập huấn cho tất cả các đội tuyển dự thi quốc gia và dự thi chọn vào đội tuyển thi quốc tế. Thời gian hưởng: Theo kế hoạch được duyệt hằng năm, nhưng không quá 90 ngày đối với đội tuyển dự thi quốc gia và 50 ngày đối với dự thi chọn vào đội tuyển thi quốc tế.

b) Trợ cấp tiền ở: 200.000đ/ngày/học sinh trong thời gian tập huấn ngoài tỉnh cho đội tuyển dự thi quốc gia và dự thi chọn vào đội tuyển thi quốc tế. Thời gian hưởng theo kế hoạch được duyệt nhưng không quá 50 ngày.

1.3. Học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế

Học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế, khu vực được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và được thưởng cụ thể như sau:

TT	Kết quả đạt được trong các kỳ thi	Mức thưởng (đồng)
I	Kỳ thi quốc tế	
1	Huy chương Vàng	16.500.000
2	Huy chương Bạc	12.000.000
3	Huy chương Đồng	10.000.000
4	Bằng khen quốc tế	9.000.000
II	Kỳ thi khu vực	
1	Huy chương Vàng	14.500.000
2	Huy chương Bạc	11.000.000

3	Huy chương Đồng	9.500.000
4	Bằng khen quốc tế (khu vực)	6.500.000
III	Kỳ thi quốc gia	
1	Giải Nhất	9.000.000
2	Giải Nhì	7.000.000
3	Giải Ba	5.500.000
4	Giải Khuyến khích	4.500.000

2. Chính sách đối với giáo viên:

2.1. Đối với giáo viên Trường THPT chuyên Lam Sơn

Giáo viên dạy môn chuyên trong lớp chuyên (mỗi lớp một giáo viên) được hỗ trợ thêm 30% mức lương hiện hưởng (lương và phụ cấp)/tháng; thời gian hưởng 9 tháng/ năm học .

2.2. Đối với giáo viên, chuyên gia mời dạy đội tuyển dự thi quốc gia, quốc tế

a) Giáo viên dạy đội tuyển thi quốc gia, quốc tế, được trả tiền thù lao bằng mức thù lao áp dụng đối với giảng viên, báo cáo viên là chuyên gia cao cấp, mức tối đa không quá 800.000 đồng/buổi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính, quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

b) Giáo viên mời là chuyên gia trong nước (là giáo sư, tiến sĩ) dạy đội tuyển thi quốc gia, quốc tế được trả mức thù lao là 03 triệu đồng/1 buổi thực tế dạy.

c) Thời gian tập huấn đội tuyển theo kế hoạch được duyệt hàng năm, trong thời gian đó được phép mời chuyên gia giảng dạy cho đội tuyển là 50 buổi đối với vòng thi học sinh giỏi quốc gia, 70 buổi đối với vòng thi chọn đội tuyển dự thi quốc tế và 30 buổi đối với đội tuyển dự thi quốc tế;

2.3. Đối với giáo viên có học sinh đạt giải quốc gia và quốc tế

a) Giáo viên dạy môn học có học sinh đạt giải quốc gia, khu vực và quốc tế, được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng được chi trả một lần tại thời điểm học sinh đạt giải với mức như sau:

STT	Kết quả đạt được trong các kỳ thi	Mức thưởng (đồng)
I	Kỳ thi quốc tế	
1	Huy chương Vàng	100.000.000
2	Huy chương Bạc	65.000.000
3	Huy chương Đồng	50.000.000

4	Bằng khen quốc tế	35.000.000
II	Kỳ thi khu vực	
1	Huy chương Vàng	53.000.000
2	Huy chương Bạc	35.000.000
3	Huy chương Đồng	27.000.000
4	Bằng khen quốc tế (khu vực)	18.000.000
III	Kỳ thi quốc gia	
1	Giải Nhất	11.000.000
2	Giải Nhì	9.000.000
3	Giải Ba	7.000.000
4	Giải Khuyến khích	4.000.000

(Trường hợp giáo viên có nhiều học sinh đạt giải trong cùng một kỳ thi thì được thưởng một mức thưởng cho giải cao nhất và 50% mức thưởng cho mỗi giải còn lại)

b) Giáo viên có học sinh tham dự thi quốc tế được tham gia làm quan sát viên nước ngoài (nước đăng cai tổ chức thi). Mức hỗ trợ kinh phí theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Giáo viên có học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế, khu vực được ưu tiên trong việc xét tặng các danh hiệu thi đua; được ưu tiên xét nâng lương sớm theo quy định của nhà nước.

3. Chính sách đối với cán bộ quản lý:

a) Cán bộ quản lý Trường THPT chuyên Lam Sơn được hỗ trợ thêm 30% mức lương hiện hưởng (lương và phụ cấp)/tháng; thời gian hưởng 9 tháng/ năm học (nếu cán bộ quản lý trực tiếp giảng dạy thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ).

b) Hiệu trưởng nhà trường có học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế, khu vực được hưởng trợ cấp bằng mức của giáo viên có mức trợ cấp cao nhất trong năm có học sinh đạt giải; Phó Hiệu trưởng được hưởng mức trợ cấp bằng 80% mức trợ cấp của Hiệu trưởng. Số tháng hưởng 09 tháng trong năm học có học sinh đạt giải và chỉ trả một lần.

c) Cán bộ quản lý trực tiếp đội tuyển có học sinh tham dự thi quốc tế được tham gia làm quan sát viên nước ngoài (nước đăng cai tổ chức thi). Mức hỗ trợ kinh phí theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

4. Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/9/2016 đến tháng 30/9/2021.

Điều 2. Giao UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh khóa, kỳ họp thứ.... thông qua ngày ... tháng.....năm 2016 và có hiệu lực từ ngày/...../...../.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy , VP UBND tỉnh;
- Cơ quan Công báo ;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến